

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/02/2021

V/v “Tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Loan
Ông Sơn Mút

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa:
Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2020 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn G, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Tổ 10, ấp L, xã T, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Võ Văn G trình bày: Qua thời gian tìm hiểu nhau, ông G và bà Nguyễn Ngọc T tiến đến hôn nhân, cả hai có tổ chức lễ cưới

và có đăng ký kết hôn được UBND xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/02/2013. Sau khi kết hôn do khó khăn về kinh tế nên vợ chồng ông thường cự cãi dẫn đến mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống, cả hai đã ly thân từ tháng 10/2015 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc T.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Thị Thúy Q, sinh ngày 06/11/2013 hiện đang sống cùng ông G. Ông G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Thị Thúy Q, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Khi kết hôn, gia đình ông G có cho bà T một số nữ trang cưới nhưng vợ chồng ông đã bán hết để chi tiêu trong gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Ông G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Nguyễn Ngọc T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 314/2020/TB-TLVA ngày 03/11/2020; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 844/2020/TB-TA ngày 13/11/2020; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 980/2020/TB-TA ngày 14/12/2020 nhưng bà T không cung cấp bản khai ý kiến và không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Ngọc T.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn Võ Văn G và bị đơn Nguyễn Ngọc T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Võ Văn G khởi kiện xin ly hôn với bị đơn Nguyễn Ngọc T có nơi cư trú tại xã T, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long do đó Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 08/02/2021, Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh mở phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất, bà Nguyễn Ngọc T đã được tổng đạt hợp lệ: Quyết định đưa vụ án

ra xét xử và giấy triệu tập xét xử nhưng bà T vắng mặt không rõ lý do. Ngày 14/02/2021, bà T đã được tổng đạt hợp lệ: Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08/02/2021 và giấy triệu tập xét xử lần thứ hai nhưng tại phiên tòa hôm nay bà T vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do bị đơn Nguyễn Ngọc T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ hai lần mà vẫn vắng mặt không rõ lý do và nguyên đơn Võ Văn G có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T và ông G.

[2] Về nội dung khởi kiện:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân:

Sau khi tổ chức lễ cưới, ông G và bà T có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/02/2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét quá trình chung sống của ông G và bà T: Theo lời khai của ông G, sau khi kết hôn thì vợ chồng ông thường xuyên cãi nhau do khó khăn về kinh tế dẫn đến bất đồng quan điểm sống, cả hai đã ly thân từ tháng 10/2015 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T không đến Tòa án trình bày về tình trạng hôn nhân hiện nay và ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông G nên phải chịu hậu quả bất lợi theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do giữa ông G và bà T đã không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông G là có căn cứ phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận cho ông Võ Văn G được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc T.

[2.2] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, ông G và bà T có 01 con chung tên Võ Thị Thúy Q, sinh ngày 06/11/2013 hiện đang sống cùng ông G. Ông G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Thị Thúy Q, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con, hiện ông G đang làm công nhân tại Công ty môi trường T, thu nhập ổn định mỗi tháng từ 8.000.000đồng đến 9.000.000đồng/tháng, đủ điều kiện kinh tế để nuôi con chung Võ Thị Thúy Q.

Tại bản tự khai ngày 27/10/2020, cháu Võ Thị Thúy Q có nguyện vọng sống chung với cha là Võ Văn G. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu của ông G về việc nuôi con chung nên phải chịu hậu quả bất lợi theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Để tiếp tục đảm bảo điều kiện phát triển về thể chất và tinh thần cho cháu Q, Hội đồng xét xử thống nhất

giao cho ông G được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Thị Thúy Q, sinh ngày 06/11/2013 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Bà Nguyễn Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Võ Thị Thúy Q, sinh ngày 06/11/2013 mà không ai được quyền cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do ông G chưa yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung Võ Thị Thúy Q nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông G không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà T vắng mặt không có ý kiến bằng văn bản nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Ông Võ Văn G và bà Nguyễn Ngọc T được quyền khởi kiện một vụ kiện khác khi có yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung.

[3] Về án phí: Ông G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 19, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Võ Văn G.

1. Về hôn nhân: Ông Võ Văn G được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc T.
2. Về nuôi con chung: Giao cho ông Võ Văn G được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Thị Thúy Q, sinh ngày 06/11/2013 cho đến khi cháu Võ Thị Thúy Q đủ 18 tuổi.

Bà Nguyễn Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Võ Thị Thúy Q, sinh ngày 06/11/2013 mà không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Võ Văn G chưa yêu cầu bà Nguyễn

Ngọc T cấp dưỡng nuôi con chung Võ Thị Thúy Q nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ông Võ Văn G và bà Nguyễn Ngọc T được quyền khởi kiện một vụ kiện khác khi có yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung.

5. Về án phí:

Ông Võ Văn G phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010512 ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bình Minh. Ông Võ Văn G đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, ông Võ Văn G và bà Nguyễn Ngọc T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh: 02;
- Chi cục thi hành án DS thị xã Bình Minh: 02;
- Đương sự: 02;
- UBND xã Phú Thành, h. Trà Ôn: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lý Thị Thúy Quỳnh